PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM

**Bài 1: ICONIX Process tập trung vao giai đoạn nao trong vòng đoi phat triển phần mềm?**

\*A. Phân tích và thiết kế

B. Lập kế hoạch dự án

C. Quản lý dự án

D. Kiểm thử phần mềm

**Bài 2: Quy trình ICONIX giúp thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tế như thế nào?**

A.Chuyển đổi nhanh từ yêu cầu thành mã nguồn mà không qua phân tích

B. Tập trung vào thiết kế trực tiếp từ mã nguồn

\*C. Liên kết cac use case với các đối tượng trong hệ thống

D. Phát triển hệ thống dựa trên mô hình UML đầy đủ

**Câu3: Yêu cầu chức năng trả lời cho câu hỏi nào?**

A. Ai sẽ là người sử dụng hệ thống?

B. Hệ thống được triển khai như thế nào?

\*C. Hệ thống có thể làm gì?

D. Làm thế nào để thiết kế hệ thống?

**Câu 4: Quy trình ICONIX cố gắng giải quyết vấn đề gì trước đây?**

A. Cồng kềnh và nhiều thứ không cần thiết trong dự án

thực tế

B. Thiếu tài liệu mô tả hệ thống

C. Thiếu mô tả chức năng của mã nguồn

D. Thiếu sự chi tiết trong các mô hình

**Câu 5: Sự khác biệt chính giữa yêu cầu chức năng và yêu cầu hành vi trong quy trình ICONIX là gì?**

A. Yêu cầu chức năng mô tả chi tiết các lớp đối tượng,còn yêu cầu hành vi mô tả dữ liệu hệ thống

B. Cá hai đều là các bước đầu tiên của qua trình phân

tích hệ thống

C. Yêu cầu chức năng miêu tả cách hệ thống hoạt

động, còn yêu cầu hành vi miêu tả giao diện người

dùng

\*D. Yêu cầu chức năng mô ta những gì hệ thống cần

làm, còn yêu cầu hành vi mô tả cách hệ thống và

người dùng tương tác

**Câu 6: Trong quy trình ICONIX, hoạt động nao giup làm ro và loại bỏ sự mơ hồ trong yêu cầu hệ thống?**

A. Vẽ sơ đồ lớp

B. Kiểm thử đơn vị

\*C. Phân tích độ bền (robustness analysis)

D. Viết mã nguồn

**Câu 7: Trong quy trình ICONIX, mô hình miền có vai trò gì?**

\*A. Định nghĩa phạm vi và tạo nền tảng cho việc xây

dựng use case

B. Giúp xác định các yêu cầu không chức năng

C. Định nghĩa cách hệ thống sẽ triển khai

D. Đảm bảo tính khả dụng của hệ thống

**Câu 8: Việc sử dụng sơ đồ trình tự (sequence diagram) trong quy trình ICONIX nhằm mục đích gì?**

A. Để phân tích tính bảo mật của hệ thống

\*B. Để phân bổ hành vi cho các lớp đối tượng

C. Để phân tích tính khả thi của dự án

D. Để xác định các yêu cầu không chức năng

**Câu 9 :Trong quy trình ICONIX, tại sao cần thực hiện đánh giá thiết kế sơ bộ (Preliminary Design Review)?**

A. Để xác định tất ca các lỗi trong mã nguồn

\*B. Để đảm bảo mô hình miền và use case khớp nhau

C. Để kiểm tra tính chính xác cua mô hình dữ liệu

D. Để kiểm thử toàn bộ hệ thống

**Câu 10 :Làm thế nào để một sơ đồ độ bền giúp liên kết use case với mô hình đối tượng?**

A. Xác định các lỗi tiềm ẩn trong thiết kế

B. Liệt kê tất ca các yêu cầu chức năng

\*C.Xác định các đối tượng miền và các thông điệp truyền giữa chúng

D. Tạo ra các đối tượng giao diện (GUI)

**Câu 11: Khi cần kiểm tra việc tích hợp hệ thống dựa trên các use case trong ICONIX Process, ta nên bat đầu từ đâu?**

A. Kiểm tra cơ sở dữ liệu

B. Kiểm tra giao diện người dùng

C. Viết mã nguồn cho tất cả các chức năng

\*D. Kiểm tra kịch bản chính và các kịch bản thay thế

**Câu 12: Sau khi hoàn thành giai đoạn phân tích và thiết kế sơ bộ, nếu phát hiện sự khác biệt giữa use case và sơ đồ lớp, ta sẽ xử lý như thế nào?**

A. Kiểm tra mã nguồn

B. Bó qua sự khác biệt

C. Thực hiện kiểm thử đơn vị

\*D. Cập nhật sơ đồ lớp và use case để đảm bảo chúng

khớp với nhau

**Câu 13: Khi thực hiện sơ đồ trình tự, điều gì cần được xem xét đầu tiên để đảm bảo thiết kế đúng?**

A. Các bảng cơ sở dữ liệu

B. Các yêu cầu phi chức năng

\*C. Sơ đồ lớp

D. Các đối tượng biên và thực thể từ sơ đồ độ bền

**Câu 14: Tại sao quy trình ICONIX được coi là phù hợp với các dự án theo phương pháp phát triển Agile?**

A. Nó tập trung vao việc phát triển toàn bộ hệ thống ngay từ đầu

B. Nó yêu cầu một kế hoạch chi tiết và nghiêm ngặt từ đầu đến cuối

\*C. Nó cho phép lặp lại và phản hồi nhanh chóng dựa trên từng use case

D. Nó không cần mô hình hóa các yêu cầu

**Câu 15:Trong quá trình kiểm thử đơn vị, các bài kiểm thử được viết dựa trên:**

A. Kịch bản chính từ sơ đồ trình tự

B. Sơ đồ lớp

\*C. Use case và các controllers từ sơ đồ độ bền

D. Mô hình miền

**Câu 16:Quy trình ICONIX bao gồm bao nhiêu sơ đồ UML cốt lõi?**

A. 2

B. 6

\*C. 4

D. 14

**Câu 17: Câu hỏi chính mà quy trình ICONIX muốn trả lời là gì?**

\*A. Làm the nao đe có the đi từ use case đến ma nguồn

B. Làm thế nao để lập trình hướng đối tượng

C. Làm thế nào để đi từ người dùng đến sản phẩm

D. Làm the nao để sử dụng được hết các loại sơ đồ UML

**Câu 18: Đối với quy trình ICONIX, bước nào là quan trọng nhất để đảm bảo yêu cầu và thiết kế đồng nhất với nhau?**

A. Kiểm thử tích hợp

B. Kiểm thử đơn vị

C. Viết mã nguồn

\*D. Đánh giá thiết kế sơ bộ (PDR)

**Câu 19: Trong quy trình ICONIX, các yêu cầu hành vi được mô tả như thế nào?**

A. Thông qua mô hình lớp

B. Thông qua các bảng cơ sở dữ liệu

C. Thông qua mô hình dữ liệu

\*D. Thông qua use case mô tả cách người dùng và hệ thống tương tác

**Câu 20: Làm the nao để một sơ đồ độ bền giup liên kết use case với mô hình đối tượng?**

A. Xác định các lỗi tiềm ẩn trong thiết kế

B. Liệt kê tất cả các yêu cầu chức năng

C. Tạo ra các đối tượng giao diện (GUI)

\*D.Xác định các đối tượng miền và các thông điệp truyền giữa chúng

**Câu 21: Việc điều chỉnh mô hình miền trong ICONIX xảy ra khi nào?**

\*A. Khi phat hien cac đoi tượng mới trong qua trình thiết kế

B. Sau khi kiểm thử tích hợp

C. Trong quá trình kiểm thử đơn vị

D. Chỉ sau khi viết mã

**Câu22: Khi nao ta cần thực hiện đanh gia thiết kế chi tiết (Critical Design Review) trong quy trình ICONIX ?**

A. Sau khi kiểm thử đơn vị

B. Trước khi thiết kế sơ đồ lớp

\*C. Sau khi hoan thành sơ đồ trình tự và cập nhật mô hình tĩnh

D. Sau khi viết mã nguồn

**Câu 23: ICONIX Process là phương pháp tiếp cận nào?**

Phương pháp tuần tự

\*B. Phương pháp tối giản nhưng hoạt động

Phương pháp xoắn ốc

Phương pháp nhanh chóng

**Câu 24: Khi cần liên kết giua các use case và các đối tượng trong hệ thong, ta sử dụng sơ đồ nào trong quy trình ICONIX?**

A. Sơ đồ use case

\*B. Sơ đồ độ bền (robustness diagram)

C. Sơ đồ trình tự (sequence diagram)

D. Sơ đồ miền (domain model)